TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÀU BÀNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2024/HS-ST
Ngày: 28-6-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Xuyến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết.

Bà Đinh Thị Bích Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Quế Trâm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Võ Thành Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 58/2024/TLST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2024/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

Lê Thị Xuân H, sinh năm 1997 tại Trà Vinh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nơi đăng ký tạm trú: ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương; nơi sinh sống: khu phố C, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị M; có 03 con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc số 25/QĐ-TA ngày 11 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương đối với Lê Thị Xuân H với thời gian là 12 tháng; bị bắt phạm tội quả tang ngày 01 tháng 02 năm 2024 và tạm giữ, đến ngày 07 tháng 02 năm 2024 được trả tự do, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Huỳnh Minh T, sinh năm 1996; hộ khẩu thường trú: ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: khu phố C, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

2. Ông Dương Tính H1, sinh năm 1980; hộ khẩu thường trú: ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: khu phố F, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Lê Thị Xuân H bắt đầu sử dụng trái phép chất ma túy từ năm 2019 đến nay. Ngày 31 tháng 01 năm 2024, do có nhu cầu sử dụng ma túy nên H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Satria biển số 69N1- 674.41 đi đến khu vực gần Cầu P, thành phố T, tỉnh Bình Dương gặp một người thanh niên tên B (không rõ họ tên, địa chỉ) để mua ma túy với giá 4.200.000 đồng để sử dụng. Sau khi mua ma túy, H điều khiển xe mô tô về phòng trọ ở khu phố C, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương và sử dụng ma túy một mình; phần ma túy còn lại H cất giấu trong túi xách của H. Khoảng 05 giờ ngày 01 tháng 02 năm 2024, H nhờ Huỳnh Minh T ở gần phòng trọ của H chở H đi huyện D, tỉnh Bình Dương để thăm bạn thì T đồng ý. T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Satria biển số 69N1- 674.41 chở H đi đến huyện D. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, T chở H về lại phòng trọ, khi đang điều khiển đến đường DH615 thuộc ấp S, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương thì bị lực lượng Công an xã L kiểm tra hành chính phát hiện bên trong túi xách màu trắng mà T đeo có túi nilon miệng kéo dính chứa ma túy đá. Công an xã L tiến hành mời H và T về trụ sở Công an làm việc và H thừa nhận túi xách có ma túy bên trong là của H, H chỉ nhờ T đeo dùm túi xách của H. Công an xã L tiếp nhận ban đầu, sau đó thông báo đến Công an huyện B tiến hành thụ lý, điều tra theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo H thừa nhận sự việc phạm tội đúng như Cáo trạng đã truy tố. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông T và ông H1 vắng mặt tại phiên tòa; quá trình điều tra, truy tố, ông T và ông H1 không có ý kiến gì về hành vi phạm tội của bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Về các vấn đề khác của vụ án:

Theo Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 01 tháng 02 năm 2024 (bút lục số 04 đến 06), Công an xã L đã thu giữ của bị cáo H: 01 túi nylon miệng kéo dính bên trong chứa chất tinh thể màu trắng; 01 xe mô tô hiệu Suzuki, biển kiểm soát 69N1-674.41 và 01 túi xách màu trắng.

Theo Kết luận giám định số 833/KL-KTHS(MT) ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận (bút lục số 33): tinh thể màu trắng gửi giám định đều là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng/trọng lượng: 2,9619 gam.

Đối với 2,9409 gam ma túy thành phần Methamphetamine hoàn lại sau khi giám định, xét thấy đây là vật Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành, đề nghị tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 túi xách màu trắng là công cụ H dùng vào việc phạm tội nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Hành vi của ông T là người đeo túi xách dùm cho H bên trong có chứa ma túy, ông T không biết việc H mua bỏ ma túy vào bên trong túi này nên không đủ yếu tố cấu thành tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Đối tượng bán ma túy cho H (không rõ họ tên, địa chỉ) hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đang xác minh làm rõ, khi nào có kết quả sẽ xử lý sau.

Xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, loại Satria, số khung 11AZLJ227636, số máy CGA1ID227608, biển số 69B1-674.41 do ông Dương Tính H1 đứng tên chủ xe. Ông H1 không biết H mượn xe mô tô của ông để đi mua ma túy và H nhờ ông T chở H đi đến huyện D, tỉnh Bình Dương, trên xe có túi xách màu trắng có ma túy của H. Ngày 06 tháng 5 năm 2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã trả xe mô tô này cho ông H1.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Kiểm sát viên và bị cáo không có ý kiến gì về các vấn đề trên. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông T và ông H1 vắng mặt tại phiên tòa; quá trình điều tra, truy tố, ông T và ông H1 không có ý kiến gì về các vấn đề trên.

Về trích dẫn cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản Cáo trạng số 55/CT-VKSBB ngày 29 tháng 5 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng truy tố bị cáo Lê Thị Xuân H về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử quyết định:

Về mức hình phạt: áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo H từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: khối lượng ma túy hoàn lại sau giám định 2,9409 gam loại Methamphetamine là vật cấm tàng trữ, lưu hành và 01 túi xách màu trắng của bị cáo H là công cụ H dùng vào việc phạm tội nên đề nghị tịch thu, tiêu hủy.

Tại phiên tòa, bị cáo H không tranh luận gì về quyết định truy tố và luận tội của của đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình, lo cho con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng

[1.1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông T và ông H1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng không trở ngại cho việc giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[1.2] Đối với các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án đã được Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; quá trình tố tụng, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên các hành vi, quyết định tố tụng này là hợp pháp.

[1.3] Riêng D1 bản và Chỉ bản của bị cáo do Cơ quan điều tra Công an huyện B thu thập trong quá trình điều tra không có mã vạch tại nơi dán mã vạch của D1 bản và Chỉ bản là không đúng theo biểu mẫu số 186 và biểu mẫu số 187 ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BCA ngày 14 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ C quy định về biểu mẫu, giấy tờ, sổ sách về điều tra hình sự nên cần khắc phục trong quá trình điều tra, truy tố những vụ án khác sau này.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận: khoảng 08 giờ ngày 01 tháng 02 năm 2024, tại đường D, ấp S, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, bị cáo đã có hành vi tàng trữ 2,9619 gam ma túy loại Methamphetamine để sử dụng thì bị bắt quả tang.

Methamphetamine là chất ma túy quy định tại Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất. Xét lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án, nội dung bản Cáo trạng và diễn biến tại phiên tòa. Do bị cáo tàng trữ trái phép chất ma túy là Methamphetamine có khối lượng 2,9619 gam, Cáo trạng đã truy tố bị cáo theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo có tính chất và mức độ nguy hiểm lớn cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy mà còn là nguyên nhân làm gia tăng các tệ nạn về ma túy và các tệ nạn xã hội khác, gây nhức nhối cho mỗi gia đình và toàn xã hội. Vì vậy, việc đưa bị cáo ra xét xử tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn cần thiết.

[4] Để thỏa mãn nhu cầu về sử dụng trái phép chất ma túy mà bị cáo đã có hành vi tàng trữ trái phép Methamphetamine. Bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, ngang nhiên đưa ma túy vào đời sống xã hội, gây khó khăn cho việc đấu tranh phòng, chống tội phạm của Nhà nước ta, đồng thời còn ảnh hưởng đến sức khỏe của chính bị cáo. Bị cáo có nhân thân xấu, đã bị đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc nhưng bị cáo vẫn tái nghiện dẫn đến hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử quyết định xử bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo có con nhỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt tù đối với bị cáo tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Hội đồng xét xử quyết định cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

[7] Về xử lý vật chứng: căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu và tiêu hủy chất ma túy Methamphetamine trong 01 bì thư được niêm phong ghi số 833/PC09, bên trong còn lại 2,9409 gam là vật cấm tàng trữ, lưu hành và 01 túi xách màu trắng là công cụ dùng vào việc phạm tội.

Xe mô tô biển số 69B1-674.41 đã trả cho ông H1, xét phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Hành vi của ông T không đủ yếu tố cấu thành tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; Công an huyện B đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 53/QĐ-XPHC ngày 06 tháng 5 năm 2024, phạt tiền 1.500.000 đồng đối với ông T do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy là phù hợp.

[9] Đối tượng bán ma túy cho bị cáo H, khi nào làm rõ nhân thân lai lịch sẽ xử lý sau.

[10] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249 và điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Lê Thị Xuân H phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Xử phạt bị cáo Lê Thị Xuân H 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 01 tháng 02 năm 2024 đến ngày 07 tháng 02 năm 2024 vào thời hạn chấp hành hình phạt tù.

[2] Về xử lý vật chứng

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu và tiêu hủy 01 (một) bì thư được niêm phong ghi số 833/PC09 (là mẫu vật gửi giám định trong QĐTC giám định số: 184/QĐ-KTHS ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh Bình Dương), có chữ ký hình dấu đỏ như trong biên bản mở niêm phong và giấy niêm phong có chữ ký của Lê Thị Xuân H, Huỳnh Minh T (người chứng kiến), Nhan T (bên giao mẫu), Văn Khánh D2 (bên nhận mẫu) và hình dấu đỏ niêm phong của Phòng KTHS - Công an tỉnh B. Bên trong còn lại 2,9409 gam là ma túy loại Methamphetamine.

- Tịch thu và tiêu hủy 01 túi xách màu trắng (đã qua sử dụng).

(Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 07 tháng 6 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng)

Về án phí: căn cứ vào Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Công an huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án (nếu có);
- Lưu: hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Kim Xuyến